Thế hệ doanh nghiệp mới này đang đưa ra những mô hình kinh doanh mới và đổi mới để đa dạng hóa các phân đoạn trong thế giới tài chính. Bao gồm, cho vay, thanh toán và chuyển khoản, quản lý tài sản.

Kết quả nghiên cứu của các chuyên gia thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) cho thấy, thế giới đã ghi nhận ít nhất 4.000 doanh nghiệp công nghệ tài chính (fintech) tham gia hoạt động trong năm 2015. Trong số này, hàng chục doanh nghiệp có giá trị trên 1 tỷ USD. Chỉ tính riêng trong năm 2015, đầu tư toàn cầu vào fintech đạt khoảng 22,3 tỷ USD, gấp trên 12 lần so với năm 2010. Dẫn đầu là Mỹ và Vương quốc Anh với tỷ trọng đầu tư lần lượt 63% và 11% trong tổng vốn đầu tư fintech toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp fintech có phạm vi hoạt động trải rộng trên toàn cầu, kể cả tại các nước đang phát triển. Ngoài ra, các nước Bắc Âu (Scandinavia) và châu Á cũng đang trở thành trung tâm phát triển công nghệ fintech. Đáng chú ý, tỷ trọng đầu tư của các doanh nghiệp fintech tăng từ 6% trong năm 2010 lên 19% trong năm 2015 trong tổng đầu tư fintech toàn cầu. Theo Citigroup, phần lớn nguồn tài chính dành cho các cá nhân và SME với khoảng 70% vốn đầu tư fintech trong năm 2016.

Bất chấp những lợi ích đầy tiềm năng, dịch vụ fintech cũng đặt ra nhiều thách thức cho hệ thống tài chính và các nhà tạo lập chính sách. Trong đó, sự thiếu vắng mạng lưới an toàn trong các mô hình kinh doanh, tình trạng lạm dụng dữ liệu cá nhân, khó khăn trong việc xác định khách hàng, và lừa đảo công nghệ là những tổn thương cơ bản của thực tế tài chính số. Trong hoạt động tín dụng trực tuyến, các bên cho vay ngang hàng (doanh nghiệp fintech) thường chỉ đóng vai trò làm môi giới giữa bên vay vốn và nhà đầu tư, nên không phải gánh chịu rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, lợi nhuận của mảng kinh doanh này phụ thuộc đáng kể vào những khoản tiền mà họ làm trung gian cho vay, nên có thể bốc hơi xung quanh thời kỳ suy thoái kinh tế, trong khi các ngân hàng thường có khả năng đối phó với bất ổn này (do tham gia bảo hiểm tiền gửi và trích lập dự phòng rủi ro). Về thanh toán, tính ẩn danh, tốc độ, và quy mô toàn cầu của một số loại tiền kỹ thuật số cho phép khách hàng mua bán bất kỳ sản phẩm nào, điều này tạo thuận lợi cho các giao dịch bất hợp pháp như rửa tiền, buôn bán vũ khí, ma túy. Ngoài ra, công nghệ đánh giá giao dịch tín dụng ngang hàng có thể dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử đối với người vay tại những khu vực khó khăn và dễ bị tổn thương. Đây là những rủi ro cơ bản đã được xác định trong thời gian qua, nhưng chưa xác định được một số rủi ro liên quan đến các bên cung cấp tài chính số.

Mặc dù không khó điều chỉnh các hoạt động fintech, nhưng cách thức điều chỉnh và giám sát đến nay vẫn là chủ đề tranh cãi chưa có hồi kết. Trong đó, mô hình cho vay trực tuyến là một điểm nóng đối với các nhà điều chỉnh. Trên thực tế, điều chỉnh tài chính mang tính khu vực và tách rời, trong khi nhiều doanh nghiệp fintech cung cấp dịch vụ tài chính số trên phạm vi toàn cầu, không bó hẹp trong lãnh thổ của một quốc gia nào. Vì thế, rất khó xác định là sẽ áp dụng quy định của quốc gia nào để quản lý cho một doanh nghiệp fintech.

Mặc dù sự xuất hiện của công nghệ fintech làm gia tăng áp lực cạnh tranh, nhưng chưa gây rối loạn đáng kể cho thị trường tài chính, và các dịch vụ do các fintech cung cấp dường như mới chỉ mang tính bổ sung thêm loại hình giao dịch mới, song vấn đề theo dõi và điều chỉnh fintech là những thách thức chủ yếu trong tương lai. Trong đó, những quy định điều chỉnh tràn lan nhưng không hiệu quả có thể cản trở tiềm năng hỗ trợ của fintech đối với quá trình phát triển tài chính.

Tại Việt Nam, sự phát triển của lĩnh vực fintech trong thời gian gần đây đã đón nhận làn sóng fintech trên thị trường tài chính ngân hàng, điều nay mang đến những thay đổi tích cực đối với tổng thể hệ thống ngân hàng truyền thống, nhưng đồng thời cũng chứa đựng những thách thức đối với sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia. Điều này đòi hỏi phải có sự vào cuộc kịp thời của các cơ quan quản lý, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước.

Khái niệm “khung pháp lý thử nghiệm” được hình thành vào thời điểm đổi mới công nghệ nhanh chóng trên các thị trường tài chính, và thể hiện cố gắng xử lý những bất đồng giữa các nhà điều chỉnh, góp phần khuyến khích và tạo thuận lợi cho đổi mới cũng như sự cần thiết phải điều chỉnh sau khủng hoảng tài chính 2007-2009, mục tiêu cơ bản là cho phép thử áp dụng những đổi mới của các doanh nghiệp fintech tư nhân.

Khung pháp lý điều chỉnh giới thiệu tiềm năng thay đổi về đặc điểm của mối quan hệ giữa cơ quan điều chỉnh và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính theo hướng cởi mở và chủ động đối thoại, tạo điều kiện cho cơ quan điều chỉnh trong việc rà soát và xây dựng khung điều chỉnh và giám sát một cách linh hoạt.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hình thành khung điều chỉnh thử nghiệm, phổ biến nhất là yêu cầu xúc tiến cạnh tranh và nâng cao hiệu quả trên các thị trường dịch vụ tài chính thông qua các sáng kiến đổi mới.

Về cơ bản, khái niệm khung thử nghiệm (regulatory sandbox) được áp dụng đối với các khu vực phi tài chính. Trong đó, khung điều chỉnh thử nghiệm đầu tiên được Phòng Bảo vệ tài chính của khách hàng (CFPB) tại Mỹ thiết lập vào năm 2012 dưới tên gọi “Dự án Xúc tác - Project Catalyst”. Năm 2015, Cơ quan Điều hành tài chính (FCA) tại VQ Anh đưa ra khái niệm “điều chỉnh thử nghiệm - regulatory sandbox”. Sau thời gian đó, khái niệm này được phát triển tại trên 20 nước trên thế giới, từ Abu Dhabi đến Sierra Leone.

Bên cạnh các khung điều chỉnh thử nghiệm, một số nước chấp nhận những cơ chế khác nhằm hỗ trợ đổi mới tài chính, như trung tâm đổi mới fintech, trung tâm phát triển fintech, trung tâm thúc đẩy fintech.

Tại Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển và mới nổi khác, mức độ phổ cập tài chính thấp còn phổ biến, nên đổi mới được coi là có hứa hẹn sẽ thay đổi nhanh chóng và tích cực. Điều này đòi hỏi các cơ quan điều chỉnh tài chính phải có trách nhiệm trước cơ hội này. Tuy nhiên, hầu hết các cơ quan quản lý tài chính đang đối mặt với những thách thức do một số yếu tố như: thiếu nguồn lực điều chỉnh thích hợp, cả về cán bộ, kiến thức và công cụ; cơ sở hạ tầng tài chính còn thấp, thị trường dịch vụ tài chính bán lẻ còn hạn chế; phức tạp và khó khăn trong việc cân bằng các mục tiêu điều chỉnh chủ chốt liên quan đến vấn đề phổ cập tài chính, tính ổn định, toàn vẹn, bảo vệ khách hàng, và cạnh tranh.

Các chuyên gia thuộc Công ty Tư vấn hỗ trợ người nghèo (CGAP) cho rằng, khung pháp lý điều chỉnh cần đáp ứng nhu cầu thực tế chứ không nên trở thành giải pháp chờ đợi vấn đề. Câu trả lời vì thế phụ thuộc vào một số yếu tố chính: khung pháp lý và điều chỉnh; hệ sinh thái các cổ đông; khả năng và nguồn lực điều chỉnh; điều kiện thị trường; những ưu tiên chính sách.

Nói tóm lại, khung pháp lý điều chỉnh thử nghiệm là khái niệm mới, còn thiếu nhiều dữ liệu và tính đa dạng về các cách tiếp cận thử nghiệm, nên rất khó đo lường mức độ thành công hay so sánh giữa các sandboxes. Tuy nhiên, khung điều chỉnh thử nghiệm là một cấu thành quan trọng, bổ sung cách tiếp cận thị trường cho các nhà tạo lập chính sách nhằm xử lý vấn đề đổi mới. Về hình thức, tính minh bạch, đối thoại cởi mở giữa cơ quan điều chỉnh và các doanh nghiệp sáng tạo được coi là yếu tố chủ chốt của khung pháp lý thử nghiệm và có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh đón đầu, góp phần đưa fintech tiến triển mạnh và đúng hướng.

Liên quan đến vấn đề phổ cập tài chính, khung điều chỉnh thử nghiệm có thể mở ra không gian cho những chuyển biến tích cực thông quan đổi mới. Ngoài ra, các nhà tạo lập chính sách có thể thiết kế khung điều chỉnh thử nghiệm phù hợp cho việc khuyến khích đổi mới vào nỗ lực phổ cập tài chính. Đồng thời, các cơ quan điều chỉnh cần có trách nhiệm trong việc hỗ trợ hình thành môi trường thuận lợi cho dịch vụ tài chính số. Các cơ quan điều chỉnh cần chủ động để không bị bối rối khi xây dựng khung điều chỉnh thử nghiệm, mà phải quan tâm đến những nhiệm vụ cấp thiết hơn.

*Xuân Thanh (Nguồn: CGAP, WB)*